Signature Not Verified
Được ký bởi LÊ ĐÌNH THÁI
Ngày ký: 16.08.2018 15:39

Deloitte.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Ngọc Hiền	Chủ tịch
Ông Ngô Kim Sơn	Ủy viên
Ông Mai Văn Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Phan Thế Hồng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Minh Tuấn	Giám đốc
Ông Đinh Quang Hưng	Phó Giám đốc
Ông Bùi Duy Nhị	Phó Giám đốc
Ông Mã Ngọc Kỳ	Phó Giám đốc
Ông Vũ Quang Dũng	Phó Giám đốc
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Văn phòng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc

Nguyễn Minh Tuấn
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, P. Láng Hạ,
Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại:+84 24 6288 3568
Fax :+84 24 6288 5678
Website: www.deloitte.com/vn

Số: 249 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Văn phòng Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2018, từ trang 5 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. và các hãng thành viên.

Deloitte.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 08 và Thuyết minh số 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, số dư khoản mục hàng tồn kho và công nợ phải trả người bán của Văn phòng Công ty bao gồm khoảng 2.481 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.481 tỷ VND) liên quan đến giá trị vật tư, thiết bị nhập khẩu và các chi phí phục vụ công tác bảo dưỡng Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2 (thuộc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam) và Nhà máy Điện Chu trình Hỗn hợp Nhơn Trạch 2 (thuộc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2). Công ty đã ký các biên bản thỏa thuận chuyển đổi chủ thể hợp đồng bảo dưỡng với nhà thầu và các nhà máy điện và đang hoàn thiện các thủ tục cần thiết với các bên liên quan. Do đó, số dư hàng tồn kho và công nợ phải trả sẽ được điều chỉnh khi Văn phòng Công ty hoàn tất các thủ tục với các bên liên quan.

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty không bao gồm số liệu báo cáo tài chính của các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc, để hiểu rõ và đầy đủ tình hình tài chính của Công ty, người đọc cần tham khảo báo cáo tài chính giữa niên độ toàn Công ty được phát hành cùng ngày.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

M.S.D.N: 0100112500 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM - Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 8 năm 2018
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**2.916.360.758.986**	**2.971.595.201.392**
I. Tiền	**110**	**4**	**50.978.959.744**	**20.837.614.246**
1. Tiền	111		50.978.959.744	20.837.614.246
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**313.621.663.217**	**446.282.667.496**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	293.501.970.884	440.834.375.764
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	5.517.474.290	1.089.260.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		10.713.395.943	2.840.706.842
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.888.822.100	1.518.324.890
III. Hàng tồn kho	**140**	**8**	**2.532.349.346.148**	**2.493.631.459.707**
1. Hàng tồn kho	141		2.532.349.346.148	2.493.631.459.707
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**19.410.789.877**	**10.843.459.943**
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.711.278.975	10.843.459.943
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	699.510.902	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**76.038.909.641**	**83.349.963.561**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**17.860.000**	**17.860.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	17.860.000	17.860.000
II. Tài sản cố định	**220**		**40.015.943.441**	**44.945.002.871**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	39.809.441.366	44.694.771.098
- Nguyên giá	*222*		*78.135.467.518*	*78.494.421.903*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(38.326.026.152)*	*(33.799.650.805)*
2. Tài sản cố định vô hình	227		206.502.075	250.231.773
- Nguyên giá	*228*		*566.717.000*	*590.414.750*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(360.214.925)*	*(340.182.977)*
III. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**10**	**5.040.000.000**	**5.040.000.000**
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.040.000.000	5.040.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**30.965.106.200**	**33.347.100.690**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	30.965.106.200	33.347.100.690
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**2.992.399.668.627**	**3.054.945.164.953**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**2.821.722.044.741**	**2.861.817.732.593**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**2.819.356.762.007**	**2.859.343.986.115**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	2.695.193.596.512	2.684.936.258.142
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	64.127.101.520	64.665.288.636
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	-	5.627.796.961
4. Phải trả người lao động	314		18.443.691.221	18.778.537.600
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	4.578.985.009	66.860.957.380
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	32.483.005.905	14.970.540.690
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.530.381.840	3.504.606.706
II. Nợ dài hạn	**330**		**2.365.282.734**	**2.473.746.478**
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		2.365.282.734	2.473.746.478
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**170.677.623.886**	**193.127.432.360**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**17**	**170.677.623.886**	**193.127.432.360**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*150.000.000.000*	*150.000.000.000*
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.686.994.576	18.125.730.608
3. (Lỗ) lũy kế/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(9.370.690)	25.001.701.752
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*37.791.302*	*108.943.529*
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*421b*		*(47.161.992)*	*24.892.758.223*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**2.992.399.668.627**	**3.054.945.164.953**

Nguyễn Thị Mai Hoa	Lê Đình Thái	Nguyễn Minh Tuấn
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**19**	**112.099.548.378**	**67.584.603.017**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	5.709.545.384	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**106.390.002.994**	**67.584.603.017**
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	85.019.220.075	45.855.500.540
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**21.370.782.919**	**21.729.102.477**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		276.014.991	208.285.588
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		21.685.351.257	19.585.943.453
8. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-26)	**30**		**(38.553.347)**	**2.351.444.612**
9. Thu nhập khác	31		7.018.181	71.483.529
10. Chi phí khác	32		-	19.934.637
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**7.018.181**	**51.548.892**
12. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**(31.535.166)**	**2.402.993.504**
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	17.172.866	793.116.691
14. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	**60**		**(46.708.032)**	**1.609.876.813**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Mai Hoa	Lê Đình Thái	Nguyễn Minh Tuấn
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	***01***	***(31.535.166)***	***2.402.993.504***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.167.199.668	4.252.414.238
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(37.442.455)	(147.563.261)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước tăng, giảm vốn lưu động	***08***	***5.098.222.047***	***6.507.844.481***
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	124.815.101.841	246.218.975.200
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(38.717.886.441)	(33.309.188.402)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(53.634.161.930)	(220.778.180.528)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.381.994.490	727.729.719
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.512.692.522)	(3.457.935.294)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.081.902.804)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***30.348.674.681***	***(4.090.754.824)***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(238.140.238)	(7.041.311.782)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	2.927.273	139.797.115
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.515.182	64.040.622
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(200.697.783)***	***(6.837.474.045)***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(6.631.400)	(1.542.295.998)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(6.631.400)***	***(1.542.295.998)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**30.141.345.498**	**(12.470.524.867)**
Tiền đầu kỳ	**60**	**20.837.614.246**	**42.586.190.858**
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	**70**	**50.978.959.744**	**30.115.665.991**

Nguyễn Thị Mai Hoa	**Lê Đình Thái**	**Nguyễn Minh Tuấn**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 14 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021005 ngày 27 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 10 năm 2015.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVPower").

Tổng số nhân viên của Văn phòng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 95 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 100).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận hành Nhà máy Điện; Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu Nhà máy Điện bao gồm phân thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan; Kinh doanh vật tư máy móc; Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác; Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các Nhà máy Điện và công nghiệp; lắp đặt hệ thống điện; Tư vấn thiết kế, biên dịch, biên soạn tài liệu và các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất Nhà máy Điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình); Thi công trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng; Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp; Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác; Đại lý kinh doanh viễn thông; Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa cho các Nhà máy Điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam; và
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm Thí nghiệm điện.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty không bao gồm số liệu báo cáo tài chính của các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc nêu trên.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét của Văn phòng Công ty.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty không bao gồm số liệu báo cáo tài chính của các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc đã nêu tại Thuyết minh số 01, nên để hiểu rõ và đầy đủ tình hình tài chính, người đọc cần tham khảo báo cáo tài chính giữa niên độ toàn Công ty được phát hành cùng ngày.

Kỳ kế toán

Kỳ kết toán năm của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Văn phòng Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Văn phòng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Văn phòng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Văn phòng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Văn phòng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Kỳ này (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị phần mềm kê toán và phần mềm quản lý (gọi chung là "phần mềm"), được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Văn phòng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Văn phòng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Văn phòng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Văn phòng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Văn phòng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Văn phòng Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Văn phòng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Văn phòng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Văn phòng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	327.916.211	66.261.075
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	50.651.043.533	20.771.353.171
	50.978.959.744	**20.837.614.246**

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Phải thu các bên liên quan	**293.113.078.855**	**439.827.792.682**
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	195.196.682.477	296.332.443.494
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	78.159.717.307	70.832.511.352
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	6.027.806.417	54.053.164.719
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	13.728.872.654	18.609.673.117
b) Phải thu khách hàng khác		
Các khách hàng khác	388.892.029	1.006.583.082
	293.501.970.884	**440.834.375.764**

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
General Electric Global Parts and Products GMBH	4.028.376.300	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thiên Hùng Anh	625.800.000	625.800.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Năng lượng Việt	-	308.000.000
Các đối tượng khác	863.297.990	155.460.000
	5.517.474.290	**1.089.260.000**

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
Tạm ứng	1.541.200.081	1.230.213.883
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	197.447.875	147.447.875
Phải thu ngắn hạn khác	2.150.174.144	140.663.132
	3.888.822.100	**1.518.324.890**
b) Dài hạn		
Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	17.860.000	17.860.000
	17.860.000	**17.860.000**

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	2.855.428.625	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	466.982.051.604	-	467.342.173.107	-
- Nguyên liệu, vật liệu nhập từ Siemens (i)	*465.378.200.574*	-	*465.378.200.574*	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	191.967.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.062.511.865.919	-	2.026.097.319.600	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang liên quan đến vật tư, thiết bị nhập từ Siemens (ii)	*2.016.050.397.300*	-	*2.016.050.397.300*	-
	2.532.349.346.148	**-**	**2.493.631.459.707**	**-**

(i) Thể hiện giá trị vật tư, thiết bị nhập khẩu dự phòng phục vụ việc sửa chữa, đại tu các tổ hợp tuabin khí tại Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2 (thuộc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam) và Nhà máy Điện Chu trình Hỗn hợp Nhơn Trạch 2 (thuộc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2) theo hợp đồng bảo trì dài hạn.

(ii) Thể hiện các chi phí liên quan đến mua vật tư, thiết bị nhập khẩu và các chi phí phát sinh khác phục vụ việc duy tu, bảo dưỡng Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2 và Nhà máy Điện Chu trình Hỗn hợp Nhơn Trạch 2 theo Hợp đồng giữa Công ty với nhà thầu Siemens (Siemens Aktiengesellschaft và Công ty TNHH Siemen Việt Nam).

Ngày 26 tháng 8 năm 2016, Công ty, nhà thầu Siemens (Siemens Aktiengesellschaft và Công ty TNHH Siemen Việt Nam) và Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đã ký Biên bản thỏa thuận chuyển đổi chủ thể của Hợp đồng bảo dưỡng dài hạn nhà máy điện Nhơn Trạch 2 ký ngày 28 tháng 11 năm 2009. Theo đó, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2: (i) thay thế Công ty trở thành khách hàng trực tiếp của nhà thầu Siemens và (ii) kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong Hợp đồng bảo dưỡng dài hạn ký ngày 28 tháng 11 năm 2009 giữa Công ty và nhà thầu Siemens và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

Ngày 15 tháng 3 năm 2017, Công ty, nhà thầu Siemens (Siemens Aktiengesellschaft và Công ty TNHH Siemen Việt Nam) và Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (thuộc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam) đã ký Biên bản thỏa thuận chuyển đổi chủ thể của Hợp đồng bảo dưỡng dài hạn các nhà máy điện Cà Mau 1 và Cà Mau 2 ký ngày 03 tháng 10 năm 2008. Theo đó, Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau: (i) thay thế Công ty trở thành khách hàng trực tiếp của nhà thầu Siemens và (ii) kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong Hợp đồng bảo dưỡng dài hạn ký ngày 03 tháng 10 năm 2008 giữa Công ty và nhà thầu Siemens và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

Tại ngày báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục cần thiết với các bên liên quan. Do đó, số dư hàng tồn kho và công nợ phải trả (như trình bày tại Thuyết minh số 12) sẽ được điều chỉnh khi Công ty hoàn tất các thủ tục với các bên liên quan.

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	**1.334.200.000**	**33.722.109.768**	**17.873.746.909**	**25.564.365.226**	**78.494.421.903**
Mua sắm mới	-	238.140.238	-	-	238.140.238
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(597.094.623)	(597.094.623)
Số dư cuối kỳ	**1.334.200.000**	**33.960.250.006**	**17.873.746.909**	**24.967.270.603**	**78.135.467.518**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	**383.676.484**	**11.126.279.507**	**10.342.208.167**	**11.947.486.647**	**33.799.650.805**
Trích khấu hao trong kỳ	122.436.648	2.175.143.806	1.032.503.908	1.793.385.608	5.123.469.970
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(597.094.623)	(597.094.623)
Số dư cuối kỳ	**506.113.132**	**13.301.423.313**	**11.374.712.075**	**13.143.777.632**	**38.326.026.152**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	**950.523.516**	**22.595.830.261**	**7.531.538.742**	**13.616.878.579**	**44.694.771.098**
Tại ngày cuối kỳ	**828.086.868**	**20.658.826.693**	**6.499.034.834**	**11.823.492.971**	**39.809.441.366**

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 với giá trị là 13.752.873.963 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 10.136.539.310 VND).

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có khoản góp vốn 5.040.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) tương ứng 504.000 cổ phần, chiếm 11,9% vốn điều lệ của PAIC. Trên Bảng cân đối kế toán của PAIC tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, chỉ tiêu vốn góp của chủ sở hữu (mã số 411) thấp hơn chỉ tiêu vốn chủ sở hữu (mã số 410) nên Ban Giám đốc Công ty xác định không phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư.

Văn phòng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (i)	25.061.453.251	25.375.375.421
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.903.652.949	7.971.725.269
	30.965.106.200	**33.347.100.690**

(i) Khoản tiền thuê văn phòng theo Hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên để thuê toàn bộ tầng 7, Tòa nhà HH3 Sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày ký hợp đồng, tổng số tiền phải trả là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí thuê nhà tương ứng với thời gian thuê.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Nhà cung cấp khác				
Siemens Aktiengesellschaft	2.481.428.597.874	2.481.428.597.874	2.485.012.443.931	2.481.428.597.875
- Phải trả liên quan đến vật tư, thiết bị nhập từ Siemens (i)	*2.481.428.597.874*	*2.481.428.597.874*	*2.481.428.597.875*	*2.481.428.597.875*
General Electric Global Parts and Products GMBH	175.076.163.688	175.076.163.688	176.936.914.435	176.936.914.435
Công ty TNHH GE Power Việt Nam	30.227.406.334	30.227.406.334	-	-
Các nhà cung cấp khác	8.461.428.616	8.461.428.616	26.336.503.472	26.336.503.472
b) Phải trả các bên liên quan (Chi tiết xem Thuyết minh 23)	-	-	**234.242.360**	**234.242.360**
	2.695.193.596.512	**2.695.193.596.512**	**2.684.936.258.142**	**2.684.936.258.142**

(i) Phản ánh giá trị vật tư, thiết bị nhập từ Siemens Aktiengesellschaft trên cơ sở các tờ khai hải quan nhập vật tư thiết bị phục vụ cho việc duy tu, bảo dưỡng Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2 và Nhà máy Điện Chu trình Hỗn hợp Nhơn Trạch 2. Số dư nợ phải trả này và khoản mục hàng tồn kho tương ứng sẽ được điều chỉnh khi Công ty hoàn tất các thủ tục với các bên liên quan (như trình bày tại Thuyết minh số 8).

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	63.832.786.520	64.370.973.636
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	294.315.000	294.315.000
	64.127.101.520	**64.665.288.636**

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN (PHẢI THU)/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
		Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản (phải thu)				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.961.371.369	17.172.866	5.512.692.522	(534.148.287)
Thuế thu nhập cá nhân (văn phòng Hà Nội)	666.425.592	799.245.919	1.631.034.126	*(165.362.615)*
	5.627.796.961	**816.418.785**	**7.143.726.648**	**(699.510.902)**
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	11.380.120.073	11.154.090.025	-
- Thuế GTGT đầu ra	-	*10.639.702.120*	*10.639.702.120*	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	376.447.963	376.447.963	-
Thuế nhập khẩu	-	291.241.785	291.241.785	-
Thuế môn bài	-	2.000.000	2.000.000	-
	-	**11.673.361.858**	**11.447.331.810**	-

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí trích trước cho dịch vụ do Văn phòng Công ty thực hiện	4.076.997.464	66.493.157.380
Chi phí phải trả khác	501.987.545	-
	4.578.985.009	**66.493.157.380**

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Cổ tức phải trả	22.241.455.926	4.248.087.326
Bảo hiểm xã hội	4.389.091.325	414.169.819
Phải trả ngắn hạn khác	5.852.458.654	10.308.283.545
	32.483.005.905	**14.970.540.690**

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017				
Số dư đầu kỳ trước	**150.000.000.000**	**15.303.102.810**	**27.023.187.006**	**192.326.289.816**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	24.887.886.398	24.887.886.398
Chia cổ tức	-	-	(19.761.749.422)	(19.761.749.422)
Phân phối lợi nhuận	-	2.822.627.798	(8.473.715.240)	(5.651.087.442)
Chi nhánh chuyển lãi	-	-	1.142.344.061	1.142.344.061
Điều chỉnh khác	-	-	181.286.470	181.286.470
Số dư cuối kỳ trước	**150.000.000.000**	**18.125.730.608**	**24.999.239.273**	**193.124.969.881**
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018				
Số dư đầu kỳ này	**150.000.000.000**	**18.125.730.608**	**25.001.701.752**	**193.127.432.360**
Lỗ trong kỳ	-	-	(48.708.032)	(48.708.032)
Chia cổ tức (i)	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Phân phối lợi nhuận (i)	-	2.561.263.968	(7.683.791.906)	(5.122.527.938)
Chi nhánh chuyển lãi	-	-	721.427.496	721.427.496
Số dư cuối kỳ này	**150.000.000.000**	**20.686.994.576**	**(9.370.690)**	**170.677.623.886**

(i) Theo Nghị quyết số 64/NQ/ĐHCĐ-DKVT ngày 16 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2017 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng: 2.561.263.969 VND;
- Trích quỹ phúc lợi: 2.561.263.969 VND;
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 2.561.263.968 VND;
- Chia cổ tức: 18.000.000.000 VND;

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*15.000.000*	*15.000.000*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*15.000.000*	*15.000.000*

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 10 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	76.500.000.000	51	76.500.000.000	76.500.000.000
TYTL Power Service Sdn. Bhd.	27.000.000.000	18	27.000.000.000	27.000.000.000
Cổ đông khác	46.500.000.000	31	46.500.000.000	46.500.000.000
	150.000.000.000	**100**	**150.000.000.000**	**150.000.000.000**

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	1,49	1,49
Euro (EUR)	1.162,14	1.184,80

19. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu dịch vụ từ nhà thầu phụ	41.038.017.907	13.967.195.487
Doanh thu hàng thực thanh thực chi	1.643.471.525	292.959.115
Doanh thu Văn phòng Công ty tự thực hiện	69.418.058.946	53.324.448.415
	112.099.548.378	**67.584.603.017**
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên liên quan	110.937.828.713	67.556.077.104
b) Các khoản giảm trừ doanh thu	**5.709.545.384**	**-**
	106.390.002.994	**67.584.603.017**

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp thể hiện giá vốn của dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng mà Văn phòng Công ty thuê lại nhà thầu phụ thực hiện và giá vốn tương ứng với doanh thu Văn phòng Công ty tự thực hiện.

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.736.570.138	5.016.332.799
Chi phí nhân công	72.169.843.557	58.551.379.708
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.167.199.668	4.252.414.238
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.062.951.724	13.092.761.986
Chi phí bằng tiền khác	14.982.552.564	16.742.099.831
	143.119.117.651	**97.654.988.562**

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	4.478.735	793.116.691
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	12.694.131	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**17.172.866**	**793.116.691**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	**(31.535.166)**	**2.402.993.504**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Lãi của các chi nhánh	*53.928.840*	*1.519.137.762*
Cộng: Chi phí không được khấu trừ thuế	-	*43.452.191*
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	**22.393.674**	**3.965.583.457**
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	**4.478.735**	**793.116.691**
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	12.694.131	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	**17.172.866**	**793.116.691**

Việc xác định thuế thu nhập của Văn phòng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng chủ sở hữu

Trong kỳ, Văn phòng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**110.937.828.713**	**67.556.077.104**
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	24.965.103.589	34.400.060.093
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	18.648.116.283	23.536.912.947
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	63.408.696.435	9.535.286.796
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	3.915.912.406	83.817.268
Các khoản giảm trừ doanh thu	**5.709.545.384**	-
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	5.709.545.384	-
Trả cổ tức cho cổ đông	**6.631.400**	**1.542.508.915**
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	1.538.250.578
Các cổ đông khác	6.631.400	4.258.337
Thu nhập của Ban Giám đốc	**1.067.244.917**	**971.835.675**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu khách hàng	**293.113.078.855**	**439.827.792.682**
Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	195.196.682.477	296.332.443.494
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	78.159.717.307	70.832.511.352
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	6.027.806.417	54.053.164.719
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	13.728.872.654	18.609.673.117
Phải trả người bán	**-**	**234.242.360**
Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Cà Mau	-	188.745.000
Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	-	13.668.648
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn trạch 2	-	31.828.712
Cổ tức phải trả	**22.241.455.926**	**4.248.087.326**
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	9.180.000.000	-
Các cổ đông khác	13.061.455.926	4.248.087.326
Người mua trả tiền trước	**64.127.101.520**	**64.665.288.636**
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	63.832.786.520	64.370.973.636
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	294.315.000	294.315.000

Nguyễn Thị Mai Hoa	**Lê Đình Thái**	**Nguyễn Minh Tuấn**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Ngày 14 tháng 8 năm 2018